

VỀ LÀNG NGHỀ VÀ THỢ ĐÁ AN HOẠCH (THANH HÓA)

THS. LÊ THỊ THẢO*

TÓM TẮT

Vào thế kỷ XVI - XVII, kinh tế thương mại ở Việt Nam đã có chân đứng vững chắc trong xã hội, hơn nữa, xứ Thanh xa kinh đô, nên sản phẩm thủ công nghiệp của làng nghề được phát triển hơn ở các nơi khác, nhất là với làng đá núi Nhồi (An Hoạch). Các sản phẩm này đã có mặt ở nhiều trung tâm văn hóa của đất nước, kèm theo đó là tên thợ, tên làng An Hoạch cũng được ghi trên sản phẩm, phần nào đã đánh dấu một hướng phát triển của lịch sử, xã hội và văn hóa.

Từ khóa: tổ nghề, chế tác đá, thợ đá, làng nghề.

ABSTRACT

In XVI - XVII centuries, Vietnam economy and trade had a sustainable growth. In Thanh region, far from the capital, craft products were also developed, especially stonecutter village of Nhồi mountain (An Hoạch village). This product had appeared in different cultural centres of the country, and the names of craftsmen and the village are also attached with the product. It marked the name into the history, society and culture of the country.

Key words: Craft ancestor, stonecutter, craft village.

1. Khái quát về làng An Hoạch

Làng An Hoạch (làng Nhồi, còn gọi là Nhuệ thôn) là một làng cổ nằm ở Tây Nam thành phố Thanh Hóa. Thế kỷ XIX, làng An Hoạch thuộc tổng Quảng Chiếu, gồm ba thôn/làng: An Hoạch Thượng (làng Nhồi Thượng), An Hoạch Hạ (làng Nhồi Hạ - Nhuệ thôn), thôn Đống. Sau đó, trải qua một thời kỳ tách nhập, đến ngày 29 tháng 2 năm 2012, Chính phủ ra Nghị quyết 05/NQ-CP điều chỉnh địa giới, để mở rộng địa giới hành chính thành phố Thanh Hóa và thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, sáp nhập 19 xã, thị trấn, trong đó có thị trấn Nhồi và chuyển thị trấn Nhồi thành phường An Hoạch thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa¹.

Làng An Hoạch là một trong những làng cổ của huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Cách làng không xa là núi Nấp - di chỉ khảo cổ thuộc thời kỳ văn hóa Đông Sơn (được phát hiện năm 1976). Tại di chỉ này đã phát hiện một khu mộ táng với 46 ngôi, có nhiều

sọ người cổ còn giữ được cả phần xương mặt và 245 hiện vật tùy táng, chủ yếu là đồ đồng, đồ gốm cùng 21 hiện vật đá. Tiêu biểu nhất là dao găm bằng đồng có cán mang hình người phụ nữ, niên đại cách ngày nay khoảng từ 3.000 đến 1.700 năm. Cùng với di chỉ ở núi Nấp, các di chỉ khảo cổ trên đất Đông Sơn như: Đông Khối, Bãi Man, Cồn Cẩu, xóm Rú... đã chứng tỏ "các cư dân đầu tiên ở lưu vực sông Mã biết đến kim loại là ở khu vực ngã ba sông Mã - sông Chu"².

Chưa rõ làng An Hoạch có từ bao giờ, nhưng tên An Hoạch đã được nhắc đến trong An Hoạch sơn Báo Ân tự bi ký (dựng năm 1100) và nhiều sách sử của các triều đại phong kiến, như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Việt sử thông giám cương mục*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*... Xa hơn nữa, việc phát hiện hàng loạt di chỉ khảo cổ học thời văn hóa Đông Sơn ở vùng núi Nhồi và lân cận, như: núi Nấp, xóm Rú, Đồng Vưng, Đồng Ngâm, Cồn Cẩu, Bãi Khuỳnh, Bãi Rắt, Đồng Ngang, Bãi Phủ, Cồn Sòng, Cồn Trôi, Mả Chùa, Đông Khối, Bãi

* *Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa*

Vác... cho thấy từ rất sớm, người Việt cổ đã quần tụ khá đông đúc ở đây. Có thể khẳng định, "khu vực núi Nhồi là một trọng điểm của đồng bằng sông Mã thời bấy giờ, là một trong những làng xã đầu tiên của vùng đất này được hình thành vào thời đại đồ đồng"³.

Trong khu vực này có một núi đá mà người ta thường gọi là núi Nhồi hay núi Khế, núi An Hoạch, núi Vọng Phu... Sự nổi tiếng của làng An Hoạch trước hết xuất phát từ nguồn nguyên liệu đá quý giá. Đá An Hoạch có kết cấu đặc biệt, màu sắc đa dạng: đen tuyền, đỏ, nâu, vàng, xanh lam, xanh vân mây,... đặc biệt đá đen, lam thuộc loại hiếm có. Các loại đá này mịn, ít hợp chất, liền khối nên độ phong hóa thấp.

Bia chùa Báo Ân núi An Hoạch ghi lại sự đặc biệt của chất đá núi Nhồi: "sắc đá óng ánh như ngọc lam, chất xanh biếc như khói nhạt. Sau này đục thành khí cụ ví như đeo thành khánh, đánh lên thì tiếng vang muôn dặm, dùng làm bia, văn chương để lại thì còn mãi ngàn đời"⁴.

Do nổi tiếng là quý hiếm, nên xưa kia nhiều cánh thợ từ vùng Hà Tây, Ninh Bình, Hải Phòng đã đến núi Nhồi khai thác đá để tạc tượng và đồ mỹ nghệ. Đời Tấn (265 - 420), Phạm Ninh là Thái thú Dự Chương thường sai người lấy đá nơi đây để làm khánh. Chính quyền đô hộ thời Tùy - Đường cũng thường sai quân dân lấy đá này dùng vào việc xây thành⁵.

Bài ký trên khánh đá chùa Đại Mỗ, tổng Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Đông, nay thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội, niên đại Vĩnh Thịnh thứ 7 (1711), kể về việc làm khánh đá chùa Trùng Quang. Người làm khánh được bạn đồng niên là Hồng lô Tự khanh Lê Hẫu - người Ái Châu, vốn quê ở vùng An Hoạch giới thiệu: đá núi ở đây có thể dùng làm khánh rất tốt. Xưa, thời nhà Hán có Dự Chương Thái thú là Phạm Ninh⁶ thường sai người chọn lấy đá [ở An Hoạch] để làm (khánh). Nước ta, thời nhà Lý có Lý Thường Kiệt cũng làm khánh để treo ở bản chùa, đến nay âm thanh phát ra vẫn trong vắt tuyệt vời dễ chịu. Bởi vậy, khi hòa âm cao vút bay xa, nếu có tâm nên tiếp nối. Người này bèn nghe theo, sai thợ đá đeo gọt, sau khi khánh làm xong đánh "như thanh vàng suối ngọc, thúc giục niềm lạc thiện của chúng sinh cùng nhau quy về ngôi chùa của bản xã, [khánh] được đặt ở phía Đông trước Tiễn đường. Mỗi khi cúng

tế, tiếng khánh cùng với tiếng chuông gióng lên, âm thanh trong ngân vang xa. Những kẻ xấu xa, tội lỗi thì từ khi trông thấy khánh được treo lên giữa chùa, dù chẳng dám nói là đã bỏ xa được thói xấu thì nhất định khi nghe được những âm hưởng phát ra từ khánh này cũng đủ để ngăn ý dâm tà, dấy niềm lạc thiện"⁷.

Bia xã Nho Lâm, tổng Cao Xá, huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An (không có tiêu đề) dựng năm Tự Đức thứ 3 (1850) ghi chép về việc xây cầu đá bắc qua sông ở xã này, khi lựa chọn nguồn nguyên liệu, tất cả người dân đều khẳng định: "Đá núi Nhuệ ở Thanh Hóa là tốt nhất, [dân] sở tại đều dùng làm cầu", và thuê thợ giỏi đeo đá chở về bằng đường biển⁸.

Dưới chân quần thể núi Nhồi là dòng sông đào từ thế kỷ X được đặt tên là Hương Giang. Sông Hương (Giang) nhà Lê trên đất Đông Sơn xuất phát từ Hậu Hiền (hữu ngạn sông Chu) chảy xuống kẻ Rỵ, kẻ Chè, kẻ Bôn, chảy qua Bồ Vệ, tới Quảng Xương rồi đổ ra biển. Đây không chỉ là con đường giao thông chính của vùng Nhồi với các miền trong tỉnh Thanh Hóa mà còn là hệ thống tưới tiêu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Chất đá quý hiếm, lại ở vào vị trí đặc địa "cận thị, cận giang" cùng với sự khéo léo, tài hoa của người thợ đã làm cho nghề chế tác đá ở An Hoạch trở nên nổi tiếng.

2. Những ông tổ nghề chế tác đá

Sự xuất hiện nghề chế tác đá ở Nhồi có mối liên hệ biện chứng với truyền thống chế tác đá của cư dân đồng bằng sông Mã, từ thời đại đồ đá cũ (di chỉ Núi Đọ, Núi Nuông, Quan Yên) đến thời đại đá mới (di chỉ Đa Bút), thời đại đồ đồng (di chỉ Đông Khối, Bản Nguyên). Đặc biệt, di chỉ Đông Khối - Một công xưởng chuyên chế tác rìu đá với quy mô lớn, tồn tại trong một thời gian dài cho thấy sự phát triển của kỹ thuật chế tác đá ở nơi đây ít nhất có từ trước thời kỳ văn hóa Đông Sơn.

Ngoài ra, có thể sự phát triển của nghề chế tác đá An Hoạch có những đóng góp của người Chăm. Nhiều bia ký ở thế kỷ XVI - XIX còn lưu lại danh tính của những người thợ đá họ Lỗi⁹. Hiện nay, ở An Hoạch vẫn còn một nhóm cư dân khá đông mang tên họ Lôi hay Lỗi (tức họ Lỗi đọc chệch) gốc Chăm Pa. Điều này cho phép phỏng đoán rằng, chính sự kết hợp giữa kỹ thuật đục đá Chiêm Thành với kỹ thuật khai thác và chế tác đá của người địa phương



Bia trụ do thợ đá An Hoạch chế tác (Từ vũ Quận công Phạm Duy Đĩnh - Thái Bình, đá, thế kỷ XVIII) -

Ảnh: Tác giả

ở một vùng đất có nguồn đá dồi dào và quý hiếm, thêm vào đó là vị trí cận thị, cận giang đã biến khu vực núi An Hoạch thành một công xưởng chế tác đá nổi tiếng.

Tài liệu thành văn sớm nhất hiện còn cho biết thông tin về ông tổ nghề chế tác đá ở đây, qua Hương ước, là Lý trưởng xã An Hoạch Lê Văn Truyền, Phó lý Nguyễn Xuân Hòa, do Cử nhân Trần Thế Đức viết năm Đồng Khánh thứ 2, ngày 15 tháng 2 năm Đinh Sửu (1877). Hương ước này cho biết: "Tổ nghề đục đá là Lê Khắc Phục (giỗ ngày 15 tháng Giêng). Năm Ất Hợi (1275), Lê Khắc Phục dạy 5 họ là họ Đỗ, Lê, Trần, Dương, Nguyễn làm nghề. Khi ông từ mừng Mai (?) về đây ngày 10 tháng Giêng". Có lẽ từ sự kiện vào thời Trần, trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên, vua Trần "sai thợ đá ở An Hoạch mở cửa hang núi Thiên Kiện và hang núi Khuẩn Mai để lấy tiền của chôn ở đó khi trước"¹⁰, mà ông Lê Khắc Phục là người đứng đầu trong tốp thợ đục đá làng Nhồi được giao nhiệm vụ "mở cửa hang". Sau khi hoàn thành công việc, ông trở về làng và được dân làng tôn thành ông tổ của làng nghề.

Người thợ đá An Hoạch còn ghi dấu ấn trong sự hình thành và phát triển của một số làng nghề chế tác đá nổi tiếng khác ở Việt Nam. Đó là trường hợp



Sản phẩm do thợ đá An Hoạch chế tác (Từ vũ Quận công Phạm Duy Đĩnh - Thái Bình, đá, thế kỷ XVIII) - Ảnh: Tác giả

của nghề chạm khắc đá ở Ninh Vân (Ninh Bình) và Non Nước (Đà Nẵng) có tổ nghề hoặc đội ngũ thợ lành nghề vốn gốc là người An Hoạch ở Thanh Hóa.

Xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình là nơi có nghề chạm khắc đá nổi tiếng ở Việt Nam. Tay nghề điêu luyện của người thợ Ninh Vân đã tạo nên các tác phẩm tượng rồng bằng đá, hay những phù điêu, hoa văn bằng đá sinh động, công phu ở đền thờ vua Đinh, vua Lê, đền Thái Vi..., và ngôi đền đá làng Hệ (xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình), đền Trình ở chùa Hương (xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Nội), phủ Dầy (xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định), Nghinh Phong các trên đỉnh núi Non Nước (thành phố Ninh Bình), nhà thờ đá Phát Diệm (thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình...) và nhiều công trình khác ở các địa phương trong toàn quốc. Vấn đề ông tổ làng nghề đá Ninh Vân còn nhiều tranh cãi, nhưng đa số những người thợ đá ở đây đều cho rằng, tổ nghề của Ninh Vân là Hoàng Sùng - một thợ đá An Hoạch ở vào thế kỷ XVI. Hiện nay, ở Ninh Bình chỉ duy nhất còn bàn thờ tổ nghề đá tại đình Côn Lãng Hạ, có sắc phong năm 1606 và năm 1680. Cứ đến 15/8 (Âm lịch) hàng năm, tổ chức tế khai sơn và giỗ tổ nghề. Trong văn tế có đoạn: "Cung duy Hoàng Sùng đạo đức tôn công tổ sư"¹¹.

Vấn đề ông tổ làng nghề chạm khắc đá ở Non Nước (Đà Nẵng) hiện cũng vẫn còn nhiều tranh luận. Tuy nhiên, tư liệu thuyết phục nhất hiện có là bia mộ tiền hiền tộc Huỳnh Bá (lập vào thời Bảo Đại), được chép lại từ nội dung của sắc phong, có ghi: "Thạch tượng Quán Khái xã, Huỳnh Bá tộc thủy khai" (nghề đá xã Quán Khái do ông Huỳnh Bá khai sinh đầu tiên), "Bổn xã Huỳnh Bá tộc phụng lập". Văn bia này phù hợp với lời kể của các bậc cao niên của làng Quán Khái Đông ngày nay, xác định rõ người có công đem nghề đá cổ truyền từ Thanh Hóa vào vùng đất Quán Khái là cụ Huỳnh Bá Quát, đồng thời cũng là vị tiền hiền lập ra làng Quán Khái, mà hiện nay bia và mộ cụ vẫn còn tại làng Quán Khái Đông¹². Ban đầu, nghề đá ở đây chỉ là một nghề phụ và tạo ra những vật dụng đơn giản, thô sơ, như: chày, cối, bia mộ, với kỹ thuật chế tác đơn giản. Dần dần, nghề đá phát triển, tận dụng nguồn nguyên liệu đá quý ở Ngũ Hành Sơn, người thợ đá ở đây đã tạo nên những sản phẩm mỹ thuật, đồ thờ tinh

xảo: tượng Phật, linh thú, đồ trang sức, đồ dùng cao cấp, tượng nghệ thuật hiện đại, tạo nên thương hiệu của làng nghề.

3. Những người thợ đá

Những người thợ đá An Hoạch được lưu lại danh tính trong lịch sử chủ yếu trên bia ký. Bia ký được dùng để khắc ghi văn tự, đường nét, hình vẽ, vừa là vật thiêng để thờ, vừa là phương tiện chứa đựng và truyền tải thông tin cho đời sau. Những người được lưu tên tuổi trong bia ký hầu hết là những nhà khoa bảng, những người giết giặc lập công hay quan lại bảo trợ cho một làng, một vùng. Ở cuối bia thường có thêm danh tính của người soạn bia, viết chữ. Trái lại, người thợ tạo tác nên những công trình lưu danh muôn thuở đó lại ít xuất hiện.

Trong 82 tấm bia đá để danh tiến sĩ ở Văn miếu, Hà Nội, được dựng từ năm 1484 (niên hiệu Hồng Đức thứ 15) đến năm 1780 (niên hiệu Cảnh Hưng thứ 41), khắc các bài văn bia để danh tiến sĩ Nho học Việt Nam của các khoa thi Đình từ năm 1442 (niên hiệu Đại Bảo thứ 3) đến năm 1779 (niên hiệu Cảnh Hưng thứ 40), bên cạnh tên tuổi 1304 vị tiến sĩ Nho học, còn có danh tính các vị chức sắc cao trong triều, tên của người soạn văn bia, người viết chữ, khắc chữ, dựng bia. Điều khá lý thú là có 5 người được lưu lại tên tuổi với tư cách là người thợ đá, trong đó có 2 người được xác định là người An Hoạch.

Người thứ nhất là Lê Nguyễn Diệm, sinh đồ xã An Hoạch, huyện Đông Sơn lưu danh trên tấm bia tiến sĩ khoa thi Kỷ Mùi, niên hiệu Vĩnh Hựu năm thứ 5 (1739), bia khoa thi Quý Hợi, niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 4 (1743). Bia dựng năm 1744 (Cảnh Hưng thứ 5), ghi "Sin sinh đồ xã An Hoạch huyện Đông Sơn là Lê Nguyễn Diệm vâng khắc chữ".

Người thứ hai là Lê Văn Lộc, thợ đá người thôn Nhuệ, xã An Hoạch, huyện Đông Sơn, lưu danh trên tấm bia tiến sĩ khoa thi Quý Mùi niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 24 (1763). Bia dựng năm 1763 (Cảnh Hưng thứ 24), ghi là "Lê Văn Lộc thợ đá người thôn Nhuệ xã An Hoạch huyện Đông Sơn vâng mệnh khắc chữ". Lê Văn Lộc là trường hợp thứ hai được ghi tên trên bia tiến sĩ với chức danh "thợ đá" (sau Phạm Thọ Ích) và được ghi chính thức vào phần thân bia¹³.

Có trường hợp trên văn bia để danh tiến sĩ khoa thi năm Mậu Thìn, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 9

(1748) ghi danh hai đội lấy đá xã An Hoạch, huyện Đông Sơn.

Ngoài ra, nhiều công trình kiến trúc, điêu khắc, bia ký ở các địa phương khác trong cả nước có ghi dấu ấn của người thợ đá An Hoạch. Bia Tiên Đình Tiên Hoàng để tặng tu điện miếu công đức bi ký tạo năm Chính Hòa 17 (1696) thời Lê Trung hưng và bia Tiên triều Đình Tiên Hoàng để miếu công đức bi ký tạo năm Thiệu Trị 3 (1853) nhà Nguyễn ở đền vua Đình (Hoa Lư, Ninh Bình) đã ghi lại tên hai người thợ đá là Lê Nhân Phú và Nguyễn Nhữ Lâm người làng An Hoạch (Thanh Hóa). Cả hai bia này đều đạt đến trình độ mỹ thuật tinh xảo, phần nào chứng tỏ tài hoa của những người thợ đá này.

Nhiều tên người thợ đá được lặp lại ở các tấm bia khác nhau. Tiêu biểu có trường hợp thợ đá Nguyễn Duy Nhân từ năm 1670 đến 1703 đã lưu lại danh tính ở 6 bia thuộc nhiều địa bàn khác nhau: Vĩnh Phúc tự bi kí (N0 6561/6586/6595/6596) ở huyện Kim Anh, tỉnh Phúc Yên (nay thuộc xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội); Cơ Quận công chi bi (N0 3653 - 3654) ở xã Kiều Ky, huyện Gia Lâm (Hà Nội), Chiêu Nghi thần từ bi (N0 714 - 717) ở xã Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai (Hà Nội), Vô đề (N0 5550/5551) ở thị xã Như Quỳnh, huyện Văn Lâm (tỉnh Hưng Yên), Vô đề (N0 4702 - 4705) ở thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi (tỉnh Hưng Yên), Hậu thần bi kí (N0 9646 - 9649) ở huyện Cẩm Giàng (tỉnh Hải Dương). Ngoài việc lưu lại tên với tư cách của người thợ đá, ông còn được ghi rõ nhiệm vụ, tước vị (Bạt Thạch tượng, Cục thạch tượng Minh tài bá, Văn Minh nam, Thạch tượng cục Minh Lộc bá).

Tên người thợ đá Lê Huân Danh được tìm thấy ở 3 bia có niên đại năm 1716, 1723, 1726: Lê tướng công sự nghiệp (N0 1197/1219) ở huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nam Ngạn tự bi văn (N0 10252/10253) ở phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa; Càn Ni sơn Hương Nghiêm tự bi minh (N0 20957) ở xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Trong tấm bia niên đại 1716, ông được ghi chức Phụng thị nội điện Thạch tượng cục.

Thợ đá Lê Như Quang với chức Thủ hợp Hữu phiên án lại Bạt thạch cục, tước Huân Thành bá được lưu danh ở 3 tấm bia có niên đại 1683, 1703, 1710: Vô đề (N0 1240) ở phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm (Hà Nội); Phụng sự bi kí (N0 3521-3524) ở xã Đông Dư, huyện Gia Lâm; Phụng sự hậu Phật bi

kí/Phụng sự hậu thần bi kí (N0 10099/10100) ở xã Vạn Lộc, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Theo thống kê các bia hậu ở huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh có ít nhất 2 bia do người thợ đá An Hoạch khắc. Đó là Thừa tự bi (N0 5288 - 5291) ở thôn Hữu Chấp, xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, khắc mùa thu năm Chính Hòa 20 (1699), thợ khắc đá là Lê Việt Nho, tước Bật Nghĩa bá, người xã An Hoạch, huyện Đông Sơn (Thanh Hóa); Thừa tự Ngô gia hậu thần bi (N0 3999 - 4000) ở thôn Đông Yên, xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, khắc năm Chính Hòa 12 (1691), người khắc là Lê Văn Long, người xã An Hoạch, huyện Đông Sơn (Thanh Hóa).

Những người thợ đá lưu lại tên là thợ đá An Hoạch trong các văn bia tuy không nhiều, nhưng qua các bia còn lại cho đến nay, chúng ta biết được danh tính của người thợ làng An Hoạch đã minh chứng cho những đóng góp của họ trong việc phát triển nghề thủ công độc đáo này.

4. Sự phát triển của làng nghề An Hoạch qua hoạt động của người thợ đá

Chúng tôi đã tra cứu tại kho lưu trữ của Viện Nghiên cứu Hán Nôm và tìm ra được 83 bia do người thợ đá An Hoạch khắc (chắc chắn là chưa đầy đủ). Ngoài ra, tấm bia sớm nhất ở Thanh Hóa có lưu lại tên người khắc đá là bia Minh Tĩnh tự bi văn (niên đại 1090, dựng tại sân nghề thôn Tế Độ, xã Hoàng Phúc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Văn bia nói về diệu tích của đạo Phật, quá trình xây dựng chùa Minh Tĩnh, thợ đá Tô Diên Thái tạc bia, thợ đá Hoàng Bồ, Hoàng Thiệu cùng tạo dựng. Tuy không ghi rõ đó là những người thợ An Hoạch nhưng từ niên đại khá sớm của bia, khi sự giao thương, trao đổi đang còn rất khó khăn, có thể tạm tin rằng, đó chính là do những người thợ đá Thanh Hóa tạo tác. 83 bia ghi thợ đá An Hoạch khắc có niên đại từ thế kỷ XVI (7 bia), XVII (25 bia), XVIII (34 bia), XIX (10 bia), XX (6 bia), không rõ niên đại (01 bia). Có thể thấy việc lưu danh tính người thợ thôn An Hoạch ít nhất có từ thế kỷ XVI, tên người thợ đá xuất hiện nhiều từ thời Lê Trung hưng đến thời Nguyễn.

Thống kê theo phân chia hành chính ngày nay cho thấy, trong 83 bia kể trên, có 35 bia đặt ở Hà Nội, 5 ở Thái Bình, 1 ở Nam Định, 6 ở Hưng Yên, 3 ở Quảng Ninh, 5 ở Ninh Bình, 1 ở Vĩnh Phúc, 3 ở Nghệ An và 24 ở Thanh Hóa. Như thế, người thợ đá An Hoạch đã vượt ra khỏi phạm vi ngôi làng

của mình, một bằng chứng sống động cho thấy, người thợ đá làng An Hoạch đã có mặt ở khắp mọi miền đất nước.

Một minh chứng cho sự ảnh hưởng của nghệ thuật chạm khắc đá núi Nhồi đến các địa phương khác là trường hợp hai lăng mộ của Quận công Võ Hồng Lượng ở huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên và lăng mộ của Thiếu Quận công Phạm Huy Đĩnh ở làng Cao Mỗ, xã Chương Dương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Theo gia phả của dòng họ Võ ở Ân Thi, Hưng Yên thì Võ Hồng Lượng, là một quận công được chúa Trịnh tin dùng... Chúa Trịnh đã cho thợ vùng An Hoạch chạm khắc bia đá, sập thờ đá đưa về xây dựng điện thờ tổ tiên. Theo truyền tụng của dân trong vùng, con kênh đào nay vẫn còn đi qua các cánh đồng ở Ân Thi, chính là con mương đào để các thuyền đá chở vật liệu từ Thanh Hoá ra xây lăng mộ tổ tiên họ Võ...

Trường hợp thứ hai là lăng mộ của Thiếu Quận công Phạm Huy Đĩnh dựng trên một khu đất ngay rìa làng Cao Mỗ, xã Chương Dương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Thiếu Quận công Phạm Huy Đĩnh (1726 - 1775) là một tướng văn võ song toàn, được chúa yêu và thưởng nhiều bổng lộc. Theo gia phả họ Phạm (ông Phạm Huy Trâm cung cấp năm 2004), thì năm Cảnh Hưng thứ 33 (1772) khi ông mất, triều đình phong thưởng chức "Thứ Phủ sự", chúa Trịnh Sâm ban cho tạc tượng võ sỹ, tượng ngựa, voi với vật thiêng, bia ký từ vùng Thanh Hóa chở ra xây lấp lăng mộ, chính là khu lăng mộ của họ Phạm ở Đông Hưng ngày nay.

Ở từ vũ họ Đặng (huyện Quế Võ - Bắc Ninh), có bộ cửa, nhang án linh thú đều bằng đá, được chạm khá tinh xảo (niên đại 1675), có thể là "chị em sinh đôi" và cùng một hiệp thợ thi công với nhang án Trịnh Thị Ngọc Lung (Thọ Xuân - Thanh Hoá)!. Năm 1831, vua Minh Mạng đã giao Bộ Công vẽ mẫu tượng đá quan văn, quan võ, lính thị vệ, voi đá, ngựa đá, để tư cho Quảng Nam, Thanh Hoá tạc...¹⁴. Ngay cả việc xây dựng nhà thờ Phát Diệm cuối thế kỷ XIX cũng liên quan đến nguồn nhân lực và các di vật chạm khắc đá ở Thanh Hoá: Cha Sáu vốn gốc người Nga Sơn, Thanh Hoá đã đưa thợ đá vùng núi Nhồi tham gia xây dựng và đưa chiếc sập đá to lớn về đặt ở toà phương đình, có một truyền thuyết cho rằng, đây là chiếc sập đá của vua Hồ ở thành Tây Giai được đưa về đây vào đầu thế kỷ XIX¹⁵.

Một điều thú vị, là trong 83 tấm bia được phát hiện do thợ đá An Hoạch khắc có 2 bia niên hiệu Mạc. Bia thứ nhất Phúc Lâm Hoàng thế tự bi, niên đại Diên Thành nguyên niên (1578) tại chùa Phúc Lâm, xã Vĩnh Thệ, huyện Tiên Phong, tỉnh Sơn Tây do thợ đá xã An Hoạch, huyện Đông Sơn, Nguyễn Tiến Chu, Tô Văn Tường, Nguyễn Huỳnh khắc. Bia thứ hai ở chùa Kim Liên (vô đề), thôn Bùng, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây cũ niên đại Diên Thành thứ 2 (1579) do thợ khắc họ Phạm, người xã An Hoạch, huyện Đông Sơn khắc). Thanh Hóa thời gian này do nhà Lê cai quản, việc người thợ đá An Hoạch khắc bia trên vùng đất của nhà Mạc (Sơn Tây), lưu lại danh tính trên bia mang niên hiệu Mạc là một điều rất đáng lưu ý. Phải chăng, nguyên nhân chính là sự phát triển của thương mại đã thúc đẩy cho sự gia nhập mạnh mẽ của nghề đá An Hoạch vào dòng chảy văn hóa này (?).

Cũng đã có sự phối hợp giữa thợ đá An Hoạch và thợ đá của các làng nghề nổi tiếng khác. Thợ đá An Hoạch và thợ đá Kính Chủ đã cùng khắc Vinh Phúc tự bi kí niên đại 1670 ở chùa Mai Thôn, huyện Kim Anh, tỉnh Phúc Yên; Sái phụ Nguyễn Thị Trị sản chí phú tự sự bi kí, niên đại 1720 tại làng Lạng, thuộc huyện Tứ Kỳ, phủ Thượng Hồng, trấn Hải Dương.

Charles Robequain - một học giả người Pháp trong tác phẩm *Le Thanh Hoa (Tỉnh Thanh Hóa)* đã ghi chép về làng An Hoạch: "Ở trong làng có khoảng hai chục thợ khéo... tiếng tăm của thợ đá Nhuệ thôn khá lớn. Họ được giao đục voi, ngựa và bia đá cho các lăng tẩm mới đây ở Huế, như lăng tẩm vua Khải Định. Từ lâu, thợ đá Nhuệ thôn là những người cung cấp đá cho triều đình Huế và kênh đào từ Ninh Bình đi Vinh có lẽ đã được đào theo đường cái quan để tiện việc chuyên chở các sản phẩm của họ". Robequain cũng khẳng định, lúc bấy giờ ở Nam Bắc Kỳ (tỉnh Ninh Bình) cũng có chuyện đẽo đá nhưng không nổi tiếng bằng Nhuệ thôn¹⁶.

5. Kết luận

Phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa không chỉ là một làng cổ có lịch sử lâu đời mà còn là nơi hội tụ nhiều yếu tố quan trọng để trở thành một làng nghề chế tác đá thủ công nổi tiếng trong thời kỳ trung đại và hiện tại. Bởi nơi đây có nguồn đá mà không phải nơi nào

cũng có, đó là đá An Hoạch, với "sắc đá óng ánh như ngọc lam, chất xanh biếc như khói nhạt". Tài nguyên vô giá đó tọa lạc giữa vùng đặc địa "cận thị, cận giang" của vùng Đông Sơn - trung tâm của "xứ Thanh" dồi dào về nhân lực và tài lực. Những người dân lao động vùng đất này đã tận dụng nguồn đá quý đó để chế tác ra các sản phẩm: "đục thành khí cụ, ví như đẽo thành khánh, đánh lên thì tiếng vang muôn dặm, dùng làm bia, văn chương để lại thì còn mãi ngàn đời". Bàn tay điêu luyện của người thợ đá An Hoạch đã làm ra rất nhiều loại sản phẩm, từ các vật dụng giản dị cho cuộc sống thường nhật đến các tác phẩm nghệ thuật, đồ thờ tinh xảo, công trình kiến trúc độc đáo..., mang tầm vóc quốc gia, mà dấu ấn của họ không chỉ hiện hữu trên các hiện vật còn tồn tại đến nay trên nhiều công trình lịch sử, văn hóa, mỹ thuật Việt Nam. Vì vậy, danh tiếng của đá, nghề đá và thợ đá An Hoạch khá rõ nét so với những làng nghề chế tác đá nổi tiếng khác trong nước, như Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng), Ninh Vân (Ninh Bình)...

Danh tính của người thợ đá làng An Hoạch được ghi lại chủ yếu trên các tấm bia đá được làm từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX, tuy tìm thấy còn quá ít nhưng đó là một niềm tự hào, mà nhiều nghề thủ công khác khó có được. Tuy nhiên, việc bảo tồn di tích núi Nhôi và phát triển nghề thủ công truyền thống là bài toán cần có lời giải hài hòa./.

L.T.T

Chú thích:

1- Phường An Hoạch, trực thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa được thành lập theo Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 29/02/2012 của Chính phủ, có diện tích (254,69ha) 2,55km², dân số 5953 người, mật độ 2335 người/km².

2- Viện Khảo cổ học, *Văn hoá Đông Sơn ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994, tr. 2451.

3- Hà Mạnh Khoa, *Làng nghề thủ công và làng khoa bảng thời phong kiến ở đồng bằng sông Mã*, Nxb. Từ điển Bách khoa, 2009, tr. 91 - 92.

4- *Thơ văn Lý - Trần*, (tập 1), Nxb. KHXH, Hà Nội, 1997, tr. 130.

5- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, 1970, tr. 252.

6- Phạm Ninh (339 - 401), tự là Vũ Tử, người Nam Dương (nay là huyện Tích Xuyên, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc), ông được cử giữ chức Dự Chương Thái thú.

7- Trùng Quang tự thạch khánh kí, Ký hiệu 938 tại Kho lưu trữ của Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

8- Bia Vô đề, Ký hiệu 2409/2410/2428/2429 tại Kho lưu trữ của Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

9- Một số bia ghi danh thợ đá họ Lỗ: Trùng tu Báo Ân tự bi ký niên đại 1585 tại chùa Báo Ân, xã Đông Hưng, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá (N0 17545); Hậu Phật bi kí niên đại 1706 tại chùa Phúc Lâm, xã Gia Thụy, huyện Gia Lâm, Hà Nội (N0 4228); Văn chỉ tự điển bi niên đại 1859 tại Văn chỉ xã Phù Lưu, tổng Quảng Chiếu (nay là xã Đông Tân), huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá (N0 17689/17690); Hậu báo bi kí niên đại 1692 tại đình Đăng Man, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên (N0 3755/3756); Thiếu Sơn Văn chỉ bi ký niên đại 1878 tại thôn Thiếu Sơn, xã Trường Mãn (nay là xã Đông Vãn), huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá (N0 17805/17806); Văn chỉ bi niên đại 1894 tại thôn Đống, xã Đông Hưng, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá (N0 17541).

10- Ngô Sỹ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư tập 2*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985, tr. 181.

11- Phạm Xuân Tích (bản chép tay), *Những đặc trưng của xã Ninh Vân, Hoa Lư, Ninh Bình*, tr. 15.

12- Hồ Tấn Tuấn, "Vài nét về tư liệu Hán Nôm ở Ngũ Hành Sơn", *Tạp chí Non nước*, số 165, năm 2011.

13- Người thợ đá đầu tiên khắc danh tính trên bia tiến sĩ ở Văn miếu - Quốc Tử giám là Phạm Thọ Ích, người làng Kiều Ky, huyện Gia Lâm. Tên của ông được khắc trên tấm bia khoa thi Giáp Thìn, niên hiệu Bảo Thái thứ 5 (1724). Bia được khắc năm 1726 (Bảo Thái thứ 7). Trên tấm bia này, ông tự xưng mình là thạch công - người thợ đá. Hàng chữ này viết ở điểm phía ngoài nên ít người để ý. Trên tấm bia của khoa thi Đinh Mùi, niên hiệu Bảo Thái thứ 8 (1727) ông viết tên mình vào bên trong, phía dưới tên tuổi của Trung thư giám học sinh, người xã Xuân Đổ, huyện Gia Lâm là Nguyễn Đắc Thụy. Người thứ hai là Hoàng Quang Trạch, Xã trưởng xã Gia Đức, huyện Thủy Đường lưu tên trên bia tiến sĩ khoa thi năm Quý Sửu, niên hiệu Long Đức năm thứ 2 (1733). Bia dựng năm 1734 (Long Đức thứ 3), ghi là: "Xã trưởng xã Gia Đức, huyện Thủy Đường là Hoàng Quang Trạch vâng khắc chữ". Người thứ ba là Lê Nguyễn Diệu. Người thứ tư là Bá hộ Lê Khắc Thực lưu danh trên tấm bia tiến sĩ khoa thi Bính Dần, niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 7 (1746). Bia dựng năm 1747 (Cảnh Hưng thứ 8), ghi là "Bá hộ Lê Khắc Thực cùng toàn đội vâng khắc chữ". Người thứ năm là Lê Văn Lộc.

14- *Chu Quang Trứ, Tượng cổ Việt Nam và truyền thống dân tộc*, Viện Mỹ thuật, 2002, tr. 129.

15- Tòa Giám mục Phát Diệm (1998), *Lịch sử nhà thờ Phát Diệm, Ninh Bình*, tr. 23.

16- Charles Robequain, *Tỉnh Thanh Hóa*, Nxb. Thanh Hóa, 2012, tr. 471.

(Ngày nhận bài: 18/3/2015; Ngày phản biện đánh giá: 22/4/2015; Ngày duyệt đăng bài: 27/4/2015).